

VAI TRÒ CỦA ĐỔI MỚI SÁNG TẠO VÀ SỞ HỮU TRÍ TUỆ TRONG DOANH NGHIỆP KHỞI NGHIỆP VÀ MỘT SỐ GIẢI PHÁP GỢI SUY CHO THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Khổng Quốc Minh¹

Cục Sở hữu trí tuệ, Bộ Khoa học và Công nghệ

Tóm tắt:

Ngày nay, khởi nghiệp là thuật ngữ được sử dụng phổ biến với hàm ý doanh nghiệp khởi nghiệp trên cơ sở khai thác tài sản trí tuệ, công nghệ, mô hình kinh doanh mới. Bài viết này cung cấp góc nhìn khác về khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp khởi nghiệp. Bài viết cũng làm rõ hơn vấn đề sở hữu trí tuệ đối với đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp khởi nghiệp. Ở khía cạnh đổi mới sáng tạo và sở hữu trí tuệ, bài viết bước đầu đánh giá về thực trạng hoạt động doanh nghiệp khởi nghiệp trên địa bàn Hà Nội và đề xuất một số kiến nghị gợi suy cho Hà Nội.

Từ khóa: Khởi nghiệp; Đổi mới; Sáng tạo; Sở hữu trí tuệ.

Mã số: 24062101

ROLE OF INNOVATION, CREATIVITY AND INTELLECTUAL PROPERTY IN START-UP BUSINESSES AND PROPOSED SOME SOLUTIONS FOR HANOI

Summary:

Today, start-up is a term commonly used with the implication that start-up businesses are based on exploiting intellectual property, technology, and new business models. This article provides another perspective on start-up and innovation, creativity. The article also clarifies the issue of intellectual property for innovation, creativity in start-up businesses. Aspects of innovation, creativity and intellectual property, the article initially evaluates the current status of start-up businesses in Hanoi, Vietnam and proposes some suggested solutions for Hanoi.

Keywords: Start-up; Innovation; Creativity; Intellectual property.

1. Cần hiểu đúng về doanh nghiệp khởi nghiệp

Gần đây, trên các phương tiện truyền thông và một số văn bản quản lý nhà nước sử dụng các thuật ngữ “khởi nghiệp đổi mới sáng tạo”, “khởi nghiệp sáng tạo” thay cho “khởi nghiệp (start-up)”. Thuật ngữ “doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo”, “doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo” cũng được sử dụng để phân biệt với doanh nghiệp thông thường. Chính vì việc sử dụng đa dạng, không thống nhất các thuật ngữ này, dẫn đến việc hiểu chưa đúng về vấn đề sở hữu trí tuệ, đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp khởi nghiệp.

¹ Liên hệ tác giả: minhtrm.noip@gmail.com

“Khởi nghiệp” là một từ Hán Việt, được tạo bởi từ “khởi” (được dùng chỉ sự bắt đầu) và “nghiệp” (được dùng với nghĩa chỉ một nghề nghiệp, sự nghiệp). Ví dụ, “Anh ấy khởi nghiệp với hai bàn tay trắng”, “Cô ấy khởi nghiệp kinh doanh”. Theo nghĩa rộng, khởi nghiệp được sử dụng với hàm ý chỉ một hoặc vài cá nhân có ý định bắt đầu/khởi sự một công việc kinh doanh riêng và tự mình làm chủ. Đó là quá trình hiện thực ý tưởng kinh doanh, bao gồm quá trình thành lập và vận hành doanh nghiệp.

Theo nghĩa hẹp, “khởi nghiệp (start-up)” hoặc “khởi nghiệp” là thuật ngữ được sử dụng với hàm ý chỉ một doanh nghiệp mới thành lập (a newly established business) để thực hiện ý tưởng trên cơ sở khai thác tài sản trí tuệ, công nghệ, mô hình kinh doanh mới. Nó cũng bao hàm chỉ cá nhân, tổ chức bắt đầu/khởi sự một công việc kinh doanh do mình làm chủ bằng việc thành lập và vận hành doanh nghiệp trên cơ sở khai thác tài sản trí tuệ, công nghệ, mô hình kinh doanh mới. Có thể nói khởi nghiệp là hoạt động, là quá trình (i) thành lập một doanh nghiệp mới, được gọi là doanh nghiệp khởi nghiệp và (ii) vận hành doanh nghiệp này với kỳ vọng doanh nghiệp khởi nghiệp có khả năng tăng trưởng nhanh trên cơ sở khai thác tài sản trí tuệ, công nghệ, mô hình kinh doanh mới. Theo hướng này, doanh nghiệp khởi nghiệp được hiểu với nội hàm gắn liền với:

- Chủ thể: doanh nghiệp mới thành lập, cũng bao gồm cả cá nhân, tổ chức tham gia thành lập doanh nghiệp khởi nghiệp;
- Thời gian: có thời gian hoạt động không quá 5 năm hoặc không quá 10 năm kể từ ngày thành lập;
- Hoạt động: dựa trên tài sản trí tuệ, công nghệ, mô hình kinh doanh mới hay tài sản trí tuệ, công nghệ, mô hình kinh doanh mới là khởi nguồn của việc thành lập doanh nghiệp khởi nghiệp. Đó là quá trình vận hành doanh nghiệp trên cơ sở khai thác tài sản trí tuệ (thường là tài sản trí tuệ đã được bảo hộ, nhất là sáng chế), ứng dụng các thành tựu nghiên cứu, giải pháp kỹ thuật, giải pháp công nghệ, giải pháp quản lý có lợi thế về năng suất, hiệu quả kinh tế, chất lượng hoặc giá trị của sản phẩm, thương mại và cạnh tranh;
- Mục đích (kết quả kỳ vọng) có thể là: tạo sản phẩm/dịch vụ (mới); tạo “cách thức mới” hay “phương thức mới” để sản xuất/ sản phẩm đã biết hoặc cung cấp dịch vụ đã biết; tạo công nghệ mới để cải tiến sản phẩm, nâng cao chất lượng và giá thành cạnh tranh hơn; nghiên cứu và phát triển quy trình: quy trình vận hành (cho máy móc), quy trình sản xuất (cho sản phẩm). Qua đó, doanh nghiệp có khả năng tăng trưởng nhanh.

2. Đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp khởi nghiệp

Đổi mới sáng tạo là quá trình gồm hai hoạt động đổi mới (innovation) và sáng tạo (creativity), hai hoạt động này không thể tách rời, có mối quan hệ biện chứng, bổ trợ, đan xen nhau (trong đổi mới có sáng tạo, trong sáng tạo có đổi mới). Tùy ngữ cảnh sử dụng mà khi nhắc đến đổi mới sáng tạo là đề cập đến đổi mới hoặc sáng tạo hoặc đề cập đồng thời đổi mới và sáng tạo. *Sáng tạo* là quá trình liên tục, gồm nhiều yếu tố đầu vào, trong đó có tài sản trí tuệ, trong quá trình này tài sản trí tuệ đóng vai

trò quan trọng, là tri thức giúp con người nhận thức, cải biến nó thành tài sản trí tuệ mới có lợi ích lớn hơn như tăng năng suất, tăng hiệu quả, tiết kiệm, giảm giá thành, thuận tiện khi sử dụng, thân thiện với môi trường. Kết quả của sáng tạo là tài sản trí tuệ mới. *Đổi mới* là sự thay đổi, tạo ra tính mới đối với doanh nghiệp, là quá trình chuyển ý tưởng, tri thức, áp dụng và chuyển hoá tài sản trí tuệ thành một kết quả cụ thể như sản phẩm/dịch vụ mới, giải pháp mới..., mang lại lợi ích gia tăng cho kinh tế - xã hội (nâng cao hiệu quả phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao năng suất, chất lượng, giá trị gia tăng của sản phẩm, dịch vụ). Những tiêu chí liên quan đến đổi mới và sáng tạo được trình bày cụ thể trong Bảng 1.

Bảng 1. So sánh giữa đổi mới và sáng tạo

Tiêu chí	Đổi mới	Sáng tạo
Mục tiêu	Nâng cao hiệu quả phát triển kinh tế - xã hội; nâng cao năng suất, chất lượng, giá trị gia tăng của sản phẩm, dịch vụ; tăng khả năng cạnh tranh.	Tạo tài sản trí tuệ mới có lợi ích lớn hơn (nếu được áp dụng có thể mang lại lợi ích lớn hơn như tăng năng suất, tăng hiệu quả, tiết kiệm, giảm giá thành, thuận tiện khi sử dụng, thân thiện với môi trường)
Tài sản trí tuệ	Đa dạng, có thể là: giải pháp kỹ thuật; giải pháp quản lý; giải pháp tác nghiệp; hoặc giải pháp ứng dụng tiến bộ kỹ thuật. Nó cũng bao gồm các đối tượng quyền sở hữu trí tuệ.	
Hoạt động	Là quá trình áp dụng tài sản trí tuệ: giải pháp kỹ thuật, giải pháp quản lý, giải pháp tác nghiệp, giải pháp ứng dụng tiến bộ kỹ thuật mới, tân tiến hơn. Đó cũng là quá trình khai thác tài sản trí tuệ đang được bảo hộ của mình, nhất là sáng chế.	Là quá trình sử dụng tri thức nhằm cải biến tài sản trí tuệ đã biết thành tài sản trí tuệ mới có lợi ích lớn hơn.
Kết quả	Đổi mới tác nghiệp Đổi mới quản lý, tổ chức Đổi mới quy trình Đổi mới sản phẩm/dịch vụ Tạo sản phẩm/dịch vụ mới	Giải pháp quản lý, tổ chức mới Giải pháp tác nghiệp mới Giải pháp kỹ thuật mới Giải pháp ứng dụng tiến bộ kỹ thuật mới, tân tiến hơn. Các đối tượng quyền sở hữu trí tuệ, nhất là sáng chế.
Khả năng mang lại lợi ích	Mang lại lợi ích thiết thực	Chỉ có thể mang lại lợi ích nếu áp dụng, khai thác tài sản trí tuệ mới
Tính mới	Liên quan đến sự thay đổi và tính mới, tính mới này được thể hiện ở các mức độ: mới với chính doanh nghiệp; mới đối với thị trường; mới đối với thế giới	Yêu cầu tính mới trong phạm vi thế giới
Đo lường	Có thể đo lường tác động của thị trường, tăng hiệu quả, hoặc lợi nhuận	Rất khó để định lượng, chủ quan
Tập trung	Quá trình triển khai thực hiện và ứng dụng	Ý tưởng và quá trình sáng tạo

Nguồn: tổng hợp của tác giả và Chanchal Aggarwa (2024)

Trong bối cảnh doanh nghiệp khởi nghiệp, yêu cầu về đổi mới và sáng tạo được đặt ra đồng thời: sáng tạo tạo tài sản trí tuệ nhằm phục vụ yêu cầu tự đổi mới của chính

doanh nghiệp khởi nghiệp, sáng tạo là điểm bắt đầu cho quá trình đổi mới và quyết định đổi mới; đổi mới chuyển hoá kết quả của sáng tạo (chuyển hóa tài sản trí tuệ), đổi mới cũng là mục tiêu của sáng tạo và quyết định sáng tạo. Sự đổi mới trong doanh nghiệp khởi nghiệp được thể hiện ở việc tạo ra thứ gì đó hoàn toàn mới, phá vỡ hiện trạng/tình trạng kỹ thuật của một giải pháp kỹ thuật đã biết, thay vì chỉ đơn giản là cải tiến sản phẩm hoặc dịch vụ hiện có; giúp giải quyết các nhu cầu chưa được đáp ứng của khách hàng và giải quyết vấn đề theo những cách mới và sáng tạo; làm giảm chi phí và nâng cao hiệu quả bằng cách tự động hóa các quy trình hoặc triển khai công nghệ mới; giúp đón đầu xu hướng và thích ứng với những điều kiện thị trường đang thay đổi thông qua việc liên tục thử nghiệm những ý tưởng và cách tiếp cận mới để phát triển công nghệ mới, mô hình kinh doanh mới hoặc cách thức mới mang lại giá trị cho khách hàng. Theo đó, tính mới đối với doanh nghiệp khởi nghiệp không chỉ được thể hiện ở mức độ mới đối với chính doanh nghiệp, mà còn thể hiện tính mới đối với thị trường (doanh nghiệp là người đầu tiên giới thiệu sự đổi mới trên thị trường của mình, bao gồm cả thị trường khác, ở khu vực kinh doanh khác hoặc vùng lãnh thổ khác), tính mới cũng có thể là mới đối với thế giới (doanh nghiệp là người đầu tiên giới thiệu sự đổi mới trong ngành công nghiệp đó, cho tất cả các thị trường và trên thế giới). Đây được coi là sự đổi mới mang tính cốt lõi trong doanh nghiệp khởi nghiệp.

Bên cạnh sự đổi mới mang tính cốt lõi (breakthrough/fundamental/radical), trong doanh nghiệp khởi nghiệp còn tồn tại đồng thời đổi mới khác mang tính thường xuyên (incremental innovation) như: (i) Đổi mới quản lý và tổ chức: thực hiện một phương pháp quản lý mới, tổ chức mới trong thực tiễn kinh doanh, cơ cấu lại tổ chức hoặc quan hệ với bên ngoài; (ii) Đổi mới tác nghiệp, ví dụ đổi mới marketing: thực hiện một phương pháp marketing mới liên quan đến sự thay đổi đáng kể trong thiết kế sản phẩm hoặc bao bì, nơi bán sản phẩm, quảng bá sản phẩm hoặc giá cả của sản phẩm; và (iii) Đổi mới quy trình, giải pháp trung gian: bao gồm những thay đổi đáng kể về kỹ thuật, thiết bị hoặc phần mềm,... dẫn đến thực hiện phương pháp sản xuất hoặc phương thức phân phối mới hoặc cải tiến mang tính trung gian. Các loại đổi mới này có các chu kỳ khác nhau, mỗi chu kỳ đổi mới là quá trình từng bước chuyển hóa tài sản trí tuệ mang tính cốt lõi thành sản phẩm mới, dịch vụ mới, quy trình/giải pháp mới có lợi thế vượt trội về năng suất, hiệu quả kinh tế, thương mại và cạnh tranh.

3. Vai trò của sở hữu trí tuệ đối với đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp khởi nghiệp

Tùy theo ngữ cảnh mà sở hữu trí tuệ được dùng với nghĩa tài sản trí tuệ nói chung hoặc chỉ các đối tượng quyền sở hữu trí tuệ hoặc chỉ quyền sở hữu trí tuệ. Các tài sản trí tuệ làm cơ sở thành lập doanh nghiệp khởi nghiệp có thể gồm các đối tượng quyền sở hữu trí tuệ như sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn, nhãn hiệu, bí mật kinh doanh, nó cũng bao gồm giải pháp kỹ thuật khác không được bảo hộ dưới dạng sáng chế, giải pháp quản lý, giải pháp tác nghiệp. Đây chính là các tài sản trí tuệ có trước, mang tính cốt lõi, tạo tiền đề cho quá trình khởi nghiệp. Vai trò của sở hữu trí tuệ đối với đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp khởi nghiệp được trình bày cụ thể trong Hình 1.

Tài sản trí tuệ là một nguồn lực quan trọng, không thể thiếu cho đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp khởi nghiệp

Khởi nghiệp là quá trình, trong đó có quá trình chuyển hóa tài sản trí tuệ. Đó là quá trình khai thác tài sản trí tuệ để tạo ra sản phẩm mới, quy trình mới, giải pháp mới; nó cũng bao gồm quá trình áp dụng giải pháp kỹ thuật, giải pháp quản lý tân tiến hơn có lợi thế về năng suất, hiệu quả kinh tế, thương mại và cạnh tranh. Quá trình chuyển hóa tài sản trí tuệ cũng bao gồm quá trình chuyển hóa tài sản trí tuệ có trước, tài sản trí tuệ mới được hình thành hoặc xuất hiện trong quá trình khởi nghiệp. Các tài sản trí tuệ tham gia vào quá trình này được tạo ra bởi nhiều nguồn khác nhau như:

(i) Doanh nghiệp: bắt nguồn từ nhu cầu đa dạng, không đồng nhất, chuyên biệt, nảy sinh trong quá trình sản xuất của doanh nghiệp khi mà công nghệ, thiết bị, giải pháp sẵn có trên thị trường không đáp ứng được hoặc không sẵn có. Lúc này, tài sản trí tuệ được tạo ra, cơ bản nhằm phục vụ nhu cầu tự đổi mới của chính doanh nghiệp đó. Nói theo cách khác, mục đích của doanh nghiệp là đổi mới (đổi mới sản phẩm; đổi mới quy trình; giải pháp mới có lợi thế vượt trội về năng suất, hiệu quả kinh tế, thương mại và cạnh tranh), tài sản trí tuệ được tạo ra nhằm phục vụ mục đích này và doanh nghiệp không có hoặc ít có xu hướng chuyển dịch các tài sản trí tuệ này ra bên ngoài cho các doanh nghiệp (cạnh tranh) khác. Do đó, doanh nghiệp khởi nghiệp rất khó có khả năng được nhận các tài sản trí tuệ từ các doanh nghiệp khác để phục vụ đổi mới sáng tạo của mình.

(ii) Trường đại học, viện nghiên cứu: phần lớn các tài sản trí tuệ là các kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ được tạo ra từ khu vực các viện nghiên cứu, trường đại học. Một trong các mục đích chính của trường đại học, viện nghiên cứu là tạo tài sản trí tuệ nhằm phục vụ đổi mới trong doanh nghiệp nên tài sản trí tuệ trong nhóm này rất đa dạng và có nhu cầu chuyển dịch tài sản trí tuệ sang doanh nghiệp nói chung và doanh nghiệp khởi nghiệp nói riêng.

(iii) Cá nhân (nhà sáng chế, nhà đổi mới sáng tạo): đây là những người được thuê hoặc được giao nhiệm vụ làm công tác nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; những người này có thể làm trong doanh nghiệp, trường đại học, viện nghiên cứu hoặc làm việc độc lập; trong quá trình được thuê hoặc được giao nhiệm vụ tạo ra các tài sản trí tuệ nào đó, họ có thể tạo ra các tài sản trí tuệ khác có triển vọng về lợi ích kinh tế.

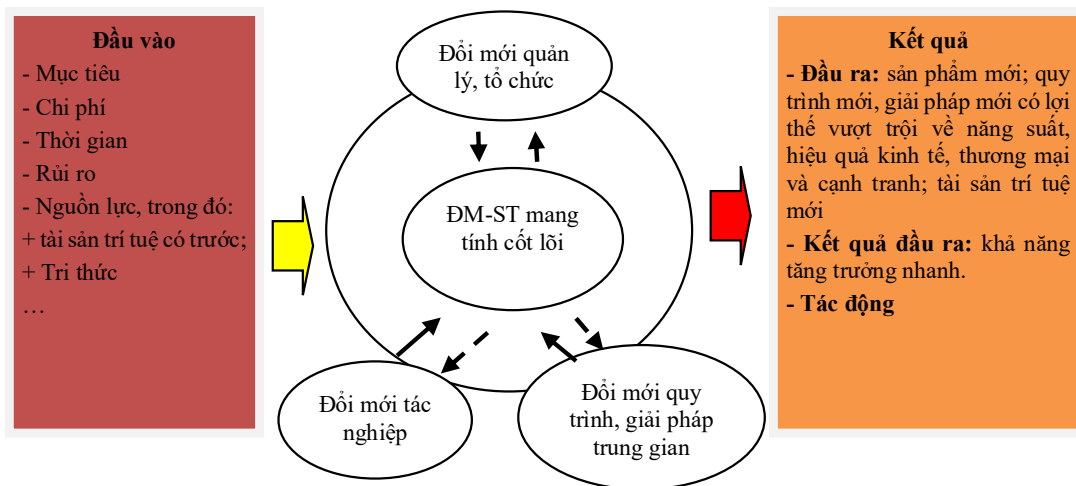
Tài sản trí tuệ quyết định phương thức đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp khởi nghiệp

Khả năng đổi mới - sáng tạo trong doanh nghiệp phụ thuộc trực tiếp vào năng lực đổi mới sáng tạo của chính doanh nghiệp nói chung và doanh nghiệp khởi nghiệp nói riêng, mà năng lực đổi mới sáng tạo lại phụ thuộc vào năng lực hấp thu của doanh nghiệp (đó là năng lực thu nhận, đồng hóa công nghệ; làm chủ công nghệ; biến đổi công nghệ, khai thác công nghệ, khả năng thương mại hoá sáng chế). Trong điều kiện hữu hạn, doanh nghiệp khởi nghiệp thường tận dụng tri thức và chuyên gia từ bên ngoài vào quá trình chuyển hóa tài sản trí tuệ này trong điều kiện cắt giảm

chi phí và quản lý rủi ro một cách hiệu quả nên tài sản trí tuệ mới có thể bao gồm: quyền sở hữu trí tuệ được nhận chuyển giao quyền sử dụng hoặc nhận chuyển nhượng các đối tượng quyền sở hữu trí tuệ, nhận chuyển giao công nghệ....; Tài sản trí tuệ mới cũng có thể là tài sản trí tuệ được hình thành từ sự hợp tác nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ phục vụ cho quá trình khởi nghiệp.

Tài sản trí tuệ quyết định kiểu đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp khởi nghiệp

Bản thân những đột phá tiên bộ kỹ thuật không đủ để đảm bảo thành công nên đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp khởi nghiệp cũng bao gồm cả dự đoán nhu cầu của thị trường, tổ chức hiệu quả, nắm vững các chi tiết và kiểm soát chi phí. Theo đó, trong doanh nghiệp khởi nghiệp đòi hỏi tồn tại nhiều chu kỳ đổi mới sáng tạo trung gian để có thể tạo sản phẩm/dịch vụ mới; tạo “cách thức mới” hay “phương thức mới” để sản xuất/cung cấp sản phẩm/dịch vụ đã biết; tạo công nghệ mới để cải tiến sản phẩm, nâng cao chất lượng và giá thành cạnh tranh hơn.



Nguồn: tổng hợp của tác giả

Hình 1. Mô hình hóa đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp khởi nghiệp

4. Thực trạng hoạt động đổi mới sáng tạo và sở hữu trí tuệ trong doanh nghiệp khởi nghiệp trên địa bàn Hà Nội

Hoạt động đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp trên địa bàn Hà Nội được thúc đẩy từ năm 2016. Năm 2017, Hà Nội đã chính thức khai trương Cổng thông tin Hệ sinh thái khởi nghiệp (StartupCity.vn). Nhiều chính sách hỗ trợ cộng đồng khởi nghiệp và doanh nghiệp trên địa bàn Hà Nội được triển khai liên quan đến thành lập doanh nghiệp, hỗ trợ vốn, tín dụng, đào tạo nguồn nhân lực, mặt bằng, khoa học và công nghệ. Hà Nội đã tạo mọi điều kiện và nguồn lực tối đa để hỗ trợ các hoạt động khởi nghiệp sáng tạo (ví dụ: Hà Nội đã ban hành Nghị quyết số 04/2018/NQ-HĐND ngày 05/7/2018 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hà Nội quy định chính sách hỗ trợ doanh nghiệp thành lập mới trên địa bàn Hà Nội; Quyết định số 4665/QĐ-UBND ngày 05/9/2018 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội phê duyệt Đề án Hỗ trợ khởi nghiệp trên địa bàn Hà

Nội nhằm khuyến khích, phát triển doanh nghiệp thành lập mới và thúc đẩy hộ kinh doanh chuyển đổi thành doanh nghiệp). Hàng năm, Hà Nội đã bố trí ngân sách để triển khai các nhiệm vụ của Đề án “Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đến năm 2025” (được ban hành theo Quyết định số 844/QĐ-TTg ngày 18/05/2016 của Thủ tướng Chính phủ): Hỗ trợ thực hiện các hoạt động truyền thông về khởi nghiệp sáng tạo và xây dựng văn hóa khởi nghiệp; Thực hiện các chương trình đào tạo phát triển nguồn nhân lực cho khởi nghiệp sáng tạo; Phát triển cơ sở hạ tầng, kỹ thuật, mặt bằng cho hoạt động khởi nghiệp sáng tạo; Tổ chức các sự kiện kết nối mạng lưới, kết nối hệ sinh thái, thúc đẩy hoạt động khởi nghiệp sáng tạo; Hỗ trợ ứng dụng KH&CN, chuyển giao công nghệ và sản xuất thử nghiệm, thương mại hóa sản phẩm. Kết quả, hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo của Hà Nội cơ bản đã có đủ các thành phần quan trọng (bao gồm startup, tổ chức hỗ trợ kinh doanh, vườn ươm, tổ chức thúc đẩy kinh doanh, mạng lưới hỗ trợ nghiên cứu và khởi nghiệp sáng tạo tại các trường đại học viện nghiên cứu).

Ở khía cạnh sở hữu trí tuệ, tính đến hết năm 2022, Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh là hai địa phương dẫn đầu về bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp, số lượng đối tượng sở hữu công nghiệp được cấp giấy chứng nhận được công bố của Hà Nội là 99.930, chiếm 29% tổng số giấy chứng nhận được cấp trong cả nước². Trong số 99.930 giấy chứng nhận được cấp, nhãn hiệu, kiểu dáng công nghiệp, sáng chế/giải pháp hữu ích lần lượt là 93.352 - 4.578 - 2.000.

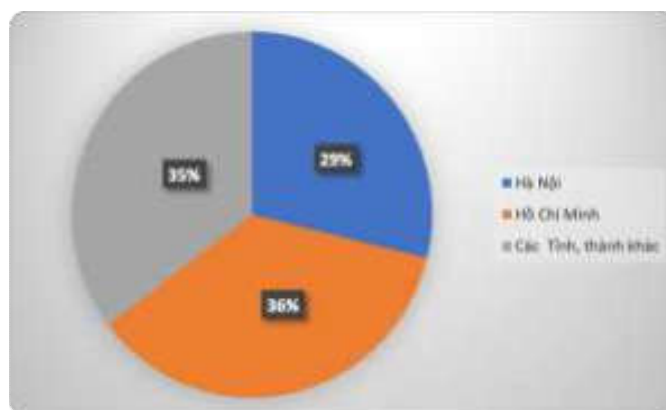
Bảng 2. Số giấy chứng nhận sở hữu công nghiệp của Hà Nội và một số tỉnh, thành phố (đã công bố tính đến hết năm 2022)

	Hà Nội	TP. Hồ Chí Minh	Các tỉnh, thành khác	Cả nước ³
Sáng chế/ giải pháp hữu ích	2000	1051	791	3842
Kiểu dáng công nghiệp	4578	11917	7410	23905
Nhãn hiệu	93352	111524	114148	319024
Tổng	99930	124492	122349	346771

Nguồn: Cục Sở hữu trí tuệ và tổng hợp của tác giả

² Giấy chứng nhận của chủ thể Việt Nam, bao gồm cá nhân, pháp nhân được thành lập theo pháp luật Việt Nam.

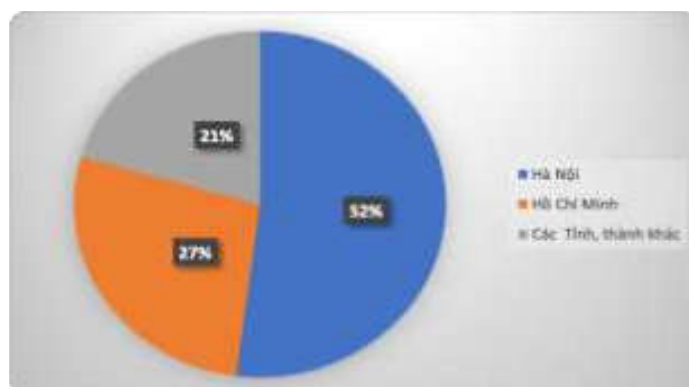
³ Đơn của chủ thể Việt Nam, bao gồm cá nhân, pháp nhân được thành lập theo pháp luật Việt Nam.



Nguồn: Cục Sở hữu trí tuệ và tổng hợp của tác giả

Hình 2. Tỷ lệ giấy chứng nhận sở hữu công nghiệp của Hà Nội và một số tỉnh, thành phố (đã công bố tính đến hết năm 2022)

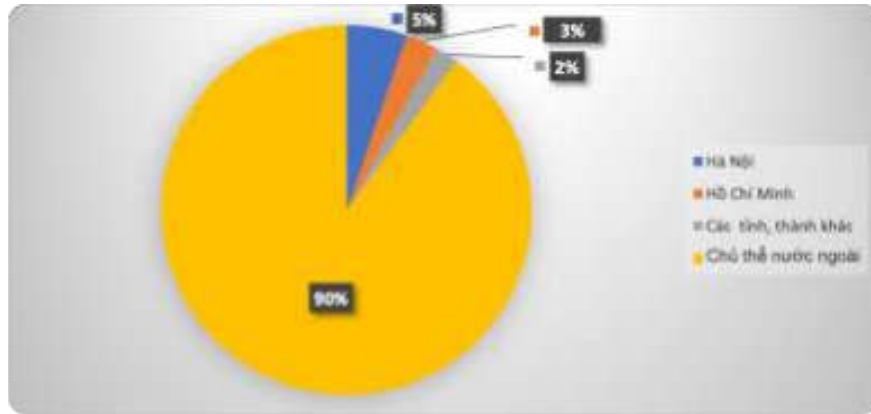
Hà Nội dẫn đầu trong cả nước về bảo hộ sáng chế, giải pháp hữu ích (2.000 giấy chứng nhận, chiếm tỷ lệ 52%), đứng thứ hai là Thành phố Hồ Chí Minh (1.051 giấy chứng nhận, chiếm tỷ lệ 27%), còn lại là các tỉnh/thành khác (791 giấy chứng nhận, chiếm tỷ lệ 21%).



Nguồn: Cục Sở hữu trí tuệ và tổng hợp của tác giả

Hình 3. Tỷ lệ sáng chế, giải pháp hữu ích của Hà Nội và một số tỉnh, thành phố (đã công bố tính đến hết năm 2022)

Tổng số sáng chế, giải pháp hữu ích được bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp của các chủ thể là 37.944 giấy chứng nhận, trong đó chủ thể nước ngoài là 34.102 (chiếm tỷ lệ 90%), Hà Nội 2.000 (chiếm tỷ lệ 5%), Thành phố Hồ Chí Minh 1.051 (chiếm tỷ lệ 3%), các tỉnh/thành khác 791 (chiếm tỷ lệ 2%).



Nguồn: Cục Sở hữu trí tuệ và tổng hợp của tác giả

Hình 4. Tỷ lệ sáng chế, giải pháp hữu ích của Hà Nội và một số tỉnh, thành phố (đã công bố tính đến hết năm 2022) so với chủ thể nước ngoài

Mặc dù, Hà Nội dẫn đầu trong cả nước về bảo hộ sáng chế, giải pháp hữu ích nhưng khi so với các chủ thể nước ngoài, số sáng chế, giải pháp hữu ích được bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp của chủ thể Việt Nam nói chung, của Hà Nội nói riêng còn rất khiêm tốn (chiếm tỷ lệ 5%). Ngoài ra, gần đây trên các phương tiện truyền thông, thậm chí trên một số văn bản quản lý nhà nước dùng các thuật ngữ “khởi nghiệp đổi mới sáng tạo”, “khởi nghiệp sáng tạo” thay cho “khởi nghiệp (start-up)”. Theo đó, thuật ngữ “doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo”, “doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo” cũng được sử dụng để phân biệt với doanh nghiệp thông thường. Chính vì việc sử dụng đa dạng, không nhất quán, thống nhất “doanh nghiệp khởi nghiệp” dẫn đến việc cá nhân, tổ chức tham gia khởi nghiệp, cũng như các nhà quản lý, hoạch định chính sách hiểu chưa đúng về Sở hữu trí tuệ, đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp khởi nghiệp. Việc chưa hiểu đúng về đổi mới sáng tạo, sở hữu trí tuệ và vai trò của nó trong hoạt động khởi nghiệp cũng là một trong những nguyên nhân, góp phần dẫn đến Hà Nội chưa có doanh nghiệp KH&CN nào được hình thành từ các cơ sở ươm tạo công nghệ, cơ sở ươm tạo doanh nghiệp hoặc vườn ươm của các trường đại học, cao đẳng; chưa có doanh nghiệp KH&CN nào có sản phẩm hình thành từ kết quả nhiệm vụ KH&CN cấp thành phố; chưa có doanh nghiệp KH&CN nào có sản phẩm hình thành từ kết quả nhiệm vụ KH&CN thuộc các chương trình KH&CN cấp quốc gia (theo Báo cáo tóm tắt Xây dựng chiến lược khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của thành phố Hà Nội đến năm 2030 của Sở Khoa học và Công nghệ Hà Nội, năm 2022).

5. Một số kiến nghị thúc đẩy hoạt động đổi mới sáng tạo và sở hữu trí tuệ cho doanh nghiệp khởi nghiệp và một số gợi ý cho Hà Nội

Thứ nhất, cần rà soát lại cơ chế, chính sách liên quan đến đổi mới sáng tạo, sở hữu trí tuệ và khởi nghiệp. Ví dụ, rà soát lại các quy định và chính sách trực tiếp về hoạt động thương mại hóa tài sản trí tuệ được nêu trong: Các đề án liên quan đến đổi mới cơ chế quản lý KH&CN; Chương trình phát triển tài sản trí tuệ; Chính sách hỗ trợ

việc nghiên cứu khoa học và triển khai thực nghiệm, áp dụng thử nghiệm và hoàn thiện sáng chế; Chính sách tổ chức các cuộc thi, sự kiện KH&CN và triển lãm kết quả lao động sáng tạo; Chính sách hỗ trợ về tài chính, thuế cho hoạt động thương mại hóa tài sản trí tuệ; Chính sách hỗ trợ việc tuyên truyền, phổ biến kiến thức đổi mới sáng tạo, sở hữu trí tuệ và khởi nghiệp. Các cơ chế, chính sách này cần ưu tiên hướng tới việc:

Thúc đẩy việc tuyên truyền, phổ biến kiến thức nhằm hiểu đúng đổi mới sáng tạo, sở hữu trí tuệ trong doanh nghiệp nói chung và trong doanh nghiệp khởi nghiệp nói riêng. Nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các tổ chức, cơ quan, doanh nghiệp, cá nhân trên cả nước và địa bàn Hà Nội về vị thế, vai trò của đổi mới sáng tạo, sở hữu trí tuệ và khởi nghiệp trong việc tạo lập, khai thác, chuyển hóa tài sản trí tuệ thành sản phẩm/dịch vụ mới, quy trình mới, giải pháp mới có lợi thế về năng suất, hiệu quả kinh tế, thương mại và cạnh tranh.

Bảng 3. So sánh đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp thông thường và doanh nghiệp khởi nghiệp

Tiêu chí	Doanh nghiệp khởi nghiệp	Doanh nghiệp thông thường
Mục đích	Khai thác tài sản trí tuệ, công nghệ, mô hình kinh doanh mới: chuyển hóa tài sản trí tuệ thành sản phẩm mới, dịch vụ mới; “cách thức mới” hay “phương thức mới” để sản xuất/cung cấp sản phẩm/dịch vụ đã biết; tạo công nghệ mới để cải tiến sản phẩm, nâng cao chất lượng và giá thành cạnh tranh hơn.	Nâng cao hiệu quả phát triển kinh tế - xã hội; nâng cao năng suất, chất lượng, giá trị gia tăng của sản phẩm, dịch vụ; tăng khả năng cạnh tranh.
Yêu cầu về sự đổi mới sáng tạo	Thể hiện ở việc tạo ra thứ gì đó hoàn toàn mới, phá vỡ hiện trạng/tình trạng kỹ thuật của một giải pháp kỹ thuật đã biết; giúp giải quyết các nhu cầu chưa được đáp ứng của khách hàng và giải quyết vấn đề theo những cách mới và sáng tạo; làm giảm chi phí và nâng cao hiệu quả bằng cách tự động hóa các quy trình hoặc triển khai công nghệ mới; giúp đón đầu xu hướng và thích ứng với những điều kiện thị trường đang thay đổi thông qua việc liên tục thử nghiệm những ý tưởng và cách tiếp cận mới để phát triển công nghệ mới, mô hình kinh doanh mới hoặc cách thức mới mang lại giá trị cho khách hàng.	Có thể chỉ đơn giản là thực hiện một phương pháp quản lý mới, tổ chức mới trong thực tiễn kinh doanh, cơ cấu lại tổ chức hoặc quan hệ với bên ngoài; thực hiện một phương pháp marketing mới liên quan đến sự thay đổi đáng kể trong thiết kế sản phẩm hoặc bao bì, nơi bán sản phẩm, quảng bá sản phẩm hoặc giá cả của sản phẩm; thay đổi đáng kể về kỹ thuật, thiết bị hoặc phần mềm; cải tiến đáng kể đối với các đặc tính hoặc mục đích sử dụng của sản phẩm hoặc dịch vụ hiện có, bao gồm những cải tiến đáng kể trong các chi tiết kỹ thuật, các thành phần và nguyên liệu, phần mềm tích hợp, tính thân thiện với người sử dụng hoặc các đặc tính chức năng khác.
Mức độ đổi mới sáng tạo	Thể hiện ở tính mới, tính mới này được thể hiện đồng thời các mức độ: mới với chính doanh nghiệp; mới đối với thị trường và mới đối với thế giới.	Có thể chỉ mới với chính doanh nghiệp mặc dù sự đổi mới đó có thể đã được thực hiện bởi các doanh nghiệp khác hoặc có thể ở thị trường khác, ở khu vực kinh doanh khác hoặc vùng lãnh thổ khác, nó đã mất tính mới hoặc đã được áp dụng trước hoặc mới trong ngành

Tiêu chí	Doanh nghiệp khởi nghiệp	Doanh nghiệp thông thường
		công nghiệp đó, cho tất cả các thị trường và trên thế giới.
Loại đổi mới sáng tạo	Tồn tại đồng thời các loại đổi mới sáng tạo mang tính cốt lõi (breakthrough/fundamental/ radical), mang tính trung gian, mang tính thường xuyên (incremental innovation), bao gồm các loại đổi mới sáng tạo sau: Đổi mới tác nghiệp; Đổi mới quản lý, tổ chức; Đổi mới quy trình; Đổi mới sản phẩm/dịch vụ; Sản phẩm/dịch vụ mới.	Có thể tồn tại một vài hoặc đồng thời các loại đổi mới sáng tạo sau: Đổi mới tác nghiệp; Đổi mới quản lý, tổ chức; Đổi mới quy trình; Đổi mới sản phẩm/dịch vụ; Sản phẩm/dịch vụ mới.
Chu kỳ đổi mới sáng tạo	Tồn tại nhiều chu kỳ đổi mới sáng tạo trung gian.	Có thể có hoặc ít chu kỳ đổi mới sáng tạo trung gian.

Nguồn: Tác giả tổng hợp

Hỗ trợ, phát triển nguồn nhân lực đổi mới sáng tạo, sở hữu trí tuệ và khởi nghiệp trên cơ sở cá nhân khởi nghiệp là hạt nhân, doanh nghiệp khởi nghiệp là trung tâm của hoạt động đổi mới sáng tạo, sở hữu trí tuệ và khởi nghiệp. Nhân lực đổi mới sáng tạo, sở hữu trí tuệ và khởi nghiệp, nhất là doanh nhân khởi nghiệp, người điều hành doanh nghiệp khởi nghiệp cần được đào tạo bài bản chuyên sâu về đổi mới sáng tạo, sở hữu trí tuệ và khởi nghiệp; có trí lực, phẩm chất, kỹ năng và tinh thần khởi nghiệp; nắm được phương pháp luận về quá trình khởi nghiệp, các bước, cách thức vận hành doanh nghiệp khởi nghiệp; biết khai thác, sử dụng và phát triển tri thức khoa học, công nghệ, sở hữu trí tuệ; có kiến thức chuyên sâu về thị trường, kinh doanh để phân tích cung cầu, dự báo thị trường... để thương mại hóa các tài sản trí tuệ, nhất là sáng chế. Phát triển mạng lưới chuyên gia đổi mới sáng tạo, sở hữu trí tuệ và khởi nghiệp.

Thúc đẩy tạo đa dạng các loại tài sản trí tuệ phục vụ đổi mới sáng tạo, thúc đẩy khả năng áp dụng và chuyển hóa tài sản trí tuệ (nhất là sáng chế) trong doanh nghiệp khởi nghiệp;

Thúc đẩy hợp tác nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ giữa doanh nghiệp khởi nghiệp với trường đại học, viện nghiên cứu, với các nhà sáng chế, nhà đổi mới sáng tạo; thúc đẩy việc nhận chuyển giao quyền sử dụng hoặc nhận chuyển nhượng các đối tượng quyền sở hữu trí tuệ, nhận chuyển giao công nghệ và hợp tác nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ giữa trường đại học và viện nghiên cứu với doanh nghiệp khởi nghiệp.

Thúc đẩy hợp tác thương mại hóa tài sản trí tuệ thông qua các tổ chức trung gian, lấy doanh nghiệp là trung tâm của các nhóm chủ thể tham gia hợp tác thương mại hóa tài sản trí tuệ.

Thứ hai, thiết lập cổng thông tin và cơ sở dữ liệu về đổi mới sáng tạo, sở hữu trí tuệ, chuyên gia, nhà đầu tư, nhà tài trợ.

Cơ sở dữ liệu chuyên gia bao gồm các chuyên gia đến từ các cơ quan quản lý, tổ chức nghiên cứu công lập và tư nhân, trường đại học ở Trung ương và các địa phương khác. Cơ sở dữ liệu chuyên gia cũng bao gồm nhà sáng chế, nhà đổi mới sáng tạo. Cần xây dựng tiêu chí chuyên gia theo từng lĩnh vực chuyên biệt như về sáng chế; chuyển giao, chuyển nhượng sáng chế; định giá, thẩm định công nghệ,... Xây dựng chương trình, tài liệu đào tạo, bồi dưỡng đánh giá chứng nhận chuyên gia đáp ứng trình độ quốc gia và quốc tế theo từng lĩnh vực chuyên biệt.

Cơ sở dữ liệu nhà đầu tư, nhà tài trợ được tuyển chọn, tuyển lựa dựa trên tiêu chí nhất định. Theo đó, cần xây dựng tiêu chí tuyển chọn, tuyển lựa nhà đầu tư, nhà tài trợ theo nhu cầu và từng lĩnh vực cụ thể.

Cơ sở dữ liệu về đổi mới sáng tạo, sở hữu trí tuệ, nhất là sáng chế có khả năng thương mại hóa được xây dựng trên cơ sở khả năng áp dụng, tiềm năng thương mại hóa. Theo đó, cần xây dựng tiêu chí đánh giá sáng chế tiềm năng có khả năng thương mại hóa, áp dụng tiêu chí này để đánh giá các sáng chế đã tham gia các cuộc thi, hội trợ, triển lãm, sự kiện về KH&CN; đồng thời kết hợp việc tiếp nhận nhu cầu thương mại hóa sáng chế và phân tích nhu cầu thương mại hóa sáng chế để khai thác thông tin sáng chế hiệu quả, qua đó, xây dựng cơ sở dữ liệu về danh mục sáng chế tiềm năng có khả năng thương mại hóa.

Thứ ba, xây dựng, phát triển mạng lưới các tổ chức trung gian hoạt động trong lĩnh vực đổi mới sáng tạo, sở hữu trí tuệ và khởi nghiệp, ưu tiên phát triển các tổ chức thực hiện các dịch vụ tư vấn, đào tạo, môi giới, định giá, chuyển giao công nghệ; đẩy mạnh hợp tác công tư để hình thành các tổ chức trung gian hỗ trợ, kết nối cung - cầu công nghệ để thúc đẩy chuyển giao công nghệ và thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ phục vụ hoạt động khởi nghiệp. Tạo liên kết vùng và các địa phương khác với Hà Nội trong hoạt động đổi mới - sáng tạo, sở hữu trí tuệ và khởi nghiệp, khuyến khích các doanh nghiệp khởi nghiệp trên địa bàn Hà Nội tích cực tham gia kết nối cung - cầu công nghệ của các bộ, ngành, địa phương khác./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Quyết định số 844/QĐ-TTg ngày 18/05/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án “Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đến năm 2025”.
2. Bộ Khoa học và Công nghệ (2017). Hướng dẫn xây dựng Kế hoạch triển khai Đề án “Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đến năm 2025.
3. Sở Khoa học và Công nghệ Hà Nội (2022). Báo cáo tóm tắt Xây dựng chiến lược khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của thành phố Hà Nội đến năm 2030.
4. Afuah, A. (2003). *Quản trị quá trình đổi mới và sáng tạo*. Hà Nội, Nxb Trường Đại học Kinh tế quốc dân.
5. Phan Dũng (2010). *Phương pháp luận sáng tạo và đổi mới*. Thành phố Hồ Chí Minh, Nxb Trẻ.

6. Nguyễn Chí Long (2021). “Hiểu đúng về đổi mới và sáng tạo”, *Tạp chí Công Thương - Các kết quả nghiên cứu khoa học và ứng dụng công nghệ*, Số 23, tháng 10 năm 2021.
7. Khổng Quốc Minh (2022). “Một số vấn đề quản lý sở hữu trí tuệ trong nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ tại Việt Nam”, *Tạp chí Chính sách và Quản lý Khoa học và Công nghệ*, Tập 11, Số 2, 2022, tr. 20-31.
8. Khổng Quốc Minh, Phạm Ngọc Hiếu (2022). “Một số vấn đề thúc đẩy hợp tác trong thương mại hoá sáng chế thông qua các tổ chức trung gian”. *Tạp chí Chính sách và Quản lý Khoa học và Công nghệ*, Tập 11, Số 2, 2022, tr. 47-56.
9. Khổng Quốc Minh (2023). “Một số vấn đề về đổi mới, sáng tạo và sở hữu trí tuệ trong doanh nghiệp”, *Tạp chí Khoa học và Công nghệ Việt Nam*, Số 11, 2023, tr. 19-21.
10. Nguyễn Ngọc Minh (2020). “Giải pháp khắc phục hạn chế của đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp”, *Tạp chí Công thương online*, <<https://tapchicongthuong.vn/bai-viet/giai-phap-khac-phuc-han-che-cua-doi-moi-sang-tao-trong-doanh-nghiep-72126.htm>>, truy cập 28/08/2023.
11. Phùng Xuân Nhạ, Lê Quân (2013). “Đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp Việt Nam”, *Tạp chí Khoa học ĐHQGHN, Kinh tế và Kinh doanh*, Tập 29, Số 4 (2013) 1-11.
12. Nguyễn Như Ý (chủ biên) (1999). *Đại từ điển Tiếng Việt*. Hà Nội, Nxb Văn hóa - Thông tin.
13. European Union (1995). “Green Paper on Innovation”. <https://europa.eu/documents/comm/green_papers/pdf/com95_688_en.pdf>, Truy cập 18/08/2023
14. The Oslo Manual (OECD, 2005). “Guidelines for Collecting and Interpreting Innovation Data”, <<https://ec.europa.eu/eurostat/documents/3859598/5889925/OSLO-EN.PDF>>
15. IP4growth (2016). *Intellectual Property Management - a Guide to Relevant Aspects*, Enhancing Intellectual Property Capacities for Agricultural Development, Project FED/2013/320-273.
16. Allan Afuah (2003). *Innovation Management: Strategies, Implementation and Profits*. Oxford University Press, Oxford.
17. Aswath Damodaram (2009). *Valuing Young, Start-up and Growth Companies: Estimation Issues and Valuation Challenges*.
18. Chanchal Aggarwa (2024). Difference between Creativity and Innovation. Business Management Courses: Eligibility, Subjects, Syllabus, Specialisations & Scope. <<https://www.shiksha.com/online-courses/articles/creativity-and-innovation-understand-key-differences-blogId-155579#4>>
19. Kanter, R. (1986). “Supporting innovation and venture development in established companies”, *Journal of Business Venturing*, 1 (1), 47-60.
20. Lu, K., Zhu, J., & Bao, H. (2015). “High-performance human resource management and firm performance: The mediating role of innovation in China”. *Industrial Management & Data Systems*, 115 (2), 353-382.
21. Teresa Amabile, Pratt (2016). “The dynamic componential model of creativity and innovation in organizations: Making progress, making meaning”, *Research in Organizational Behavior*, Volume 36, 2016, Pages 157-183.
22. Karuna Jaint, Vandana Sharma (2006). “Intellectual Property Management System: An Organizational”, *Journal of Intellectual Property Rights* Vol 11, September 2006, pp 330-333.
23. The importance of innovation in startups. <<https://fastercapital.com/content/The-importance-of-innovation-in-startups.html>>.

24. Thurik, R. & Wennekers, S., (2004). "Entrepreneurship, small business and economic growth", *Journal of Small Business and Enterprise Development*, 11(1):140-149.
25. Spender, J.C., Corvello, V., Grimaldi, M., Rippa, P. (2017). "Startups and open innovation: a review of the literature", *European Journal of Innovation Management*, Vol. 20 Iss: 1, pp.4 - 30.
26. Szarek, J., & Piecuch, J. (2018). The importance of startups for construction of innovative economies. *International Entrepreneurship Przedsie biorczo Miedzynarodowa*, 4(2), 69-78. <https://doi.org/10.15678/PM.2018.0402.05>.